



Phụ lục I: Hiện trạng tài nguyên rừng

(Kèm theo Ban hành số:578/BC-UBND ngày 02tháng10năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Tổng diện tích đất lâm nghiệp	ha	9.025,14	9.025,14	9.025,14	9.025,14	9.025,14
II	Tổng diện tích có rừng	ha	6.760,09	6.770,09	6.730,09	6.745,09	6.760,09
1	Phân tích theo nguồn gốc hình thành		6.760,09	6.770,09	6.730,09	6.745,09	6.760,09
1.1	Diện tích rừng tự nhiên	ha	4.288,42	4.288,42	4.288,42	4.273,42	4.288,42
1.2	Diện tích rừng trồng	ha	2.471,67	2.481,67	2.441,67	2.471,67	2.471,67
2	Phân theo mục đích sử dụng		6.760,09	6.760,09	6.760,09	6.760,09	6.760,09
2.1	Rừng đặc dụng	ha					
2.1	Rừng phòng hộ	ha	4.078,30	4.078,30	4.078,30	4.078,30	4.078,30
2.3	Rừng sản xuất	ha	2.681,79	2.681,79	2.681,79	2.681,79	2.681,79
III	Diện tích chưa thành rừng	ha	2.265,05	2.255,05	2.295,05	2.280,05	2.265,05
IV	Độ che phủ rừng	%	65,9	66,06	66,06	66,06	66,06



Phụ lục II: Diện tích rừng phân theo chủ rừng

(Kèm theo ~~Báo cáo~~ Báo cáo số: 578/BC-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

STT	Phân loại rừng	Tổng	Ban quản lý rừng đặc dụng	Ban quản lý rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN, ĐT, GD	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	UBND quản lý (chưa giao)
1	Rừng tự nhiên	4.298		3.909				64	303		23
2	Rừng trồng	3.129		169				2.957	0		3
3	Đất chưa có rừng	2.726		316				2.349	2		60
3.1	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	2.414		111				2.285			18
3.2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	129		83				23	2		21
3.3	Diện tích khác	183		122				41	0		20
Tổng cộng		10.153,84		4.394,72				5.368,67	305,10		85,35



Phụ lục IV: Kết quả giao rừng

(Kèm theo ~~Bản~~ Báo cáo số: 578/BC-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

STT	Đối tượng giao rừng	Số trường hợp	Diện tích (ha)	Đã cấp giấy chứng nhận	Chưa cấp giấy chứng nhận	Gi chú
từ năm 2021 đến năm 2025						
1	Tổ chức					Từ năm 2021 đến nay (rừng tự nhiên sản xuất)
2	Hộ gia đình					
3	Cá nhân	2	47,418	X		
4	Cộng đồng dân cư	6	299,452	X		
Tổng cộng			346,87			